

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

☒ Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Ngôn ngữ học; Chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Thị Thanh Trúc

2. Ngày tháng năm sinh: 02/08/1980; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.....; Tôn giáo: Không.....

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 743/22 đường Lò Gốm, phường 9, quận 6, TP.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 743/22 đường Lò Gốm, phường 9, quận 6, TP.HCM.

Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0909687602

E-mail: tttruc@hcmulaw.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 1 năm 2004 đến tháng 12 năm 2023: Giảng viên trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM;

Từ tháng 1 năm 2024 đến nay: Giảng viên trường Đại học Luật TP.HCM.

Chức vụ: Hiện nay: Phụ trách Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phụ trách Bộ môn

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Ngoại ngữ pháp lý, trường Đại học Luật TP.HCM

Địa chỉ cơ quan: Số 2, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP.HCM.

Điện thoại cơ quan: 028.39400989

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 09 năm 2003; số văn bằng: 01SN/03; ngành: Ngôn ngữ Nga, chuyên ngành: song ngữ Nga-Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 09 năm 2005; số văn bằng: 131AV/05; ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành: Ngữ văn Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 06 năm 2010; số văn bằng: 78.10; ngành: Ngôn ngữ Nga; chuyên ngành: Ngôn ngữ Nga; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 06 năm 2011; số văn bằng: 145-11; ngành: Ngôn ngữ Anh; chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 05 năm 2022; số văn bằng: 6TS/22/1; ngành: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu; chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Luật TP.HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngôn ngữ học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt, đặc biệt trong văn bản pháp lý và diễn ngôn báo chí;

- Ngôn ngữ học ứng dụng trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành;

- Ngôn ngữ học tri nhận và ứng dụng các lý thuyết nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong phân tích diễn ngôn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 19 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02 sách, trong đó có 02 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Cấp khen thưởng	Năm
1	Giấy chứng nhận hướng dẫn SV Nghiên cứu khoa học đạt giải III cấp Bộ GD&ĐT	2023
2	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM	2022
3	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM	2021
4	Giấy khen của Tổng lãnh sự quán Nga tại TP.HCM	2008
5	Bằng khen Giảng viên trẻ tiêu biểu Đại học Quốc gia TP.HCM	2007
6	Bằng khen Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa	2003

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về phẩm chất chính trị: Tôi luôn nghiêm túc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tuân thủ tốt các quy định, quy chế của cơ quan.

Về đạo đức, lối sống: Tôi giữ gìn phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có lối sống lành mạnh, gương mẫu trong công việc và trong quan hệ với đồng nghiệp, sinh viên.

Về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp: có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu trong các lĩnh vực ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, ngôn ngữ học ứng dụng và ngôn ngữ học tri nhận. Tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu, biên soạn giáo trình, công bố khoa học và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	2019-2020					165		165/255/229,5
2	2020-2021					230		230/230/229,5
3	2021-2022					195		195/285/229,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023					255		255/308/229,5
5	2023-2024	X		01		255		255/300/270
6	2024-2025	X		01		375		375/420/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM; số bằng: 134AV/05; năm cấp: 2005.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Luật TP.HCM, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 7.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Kim Seon Jong		X	X		Tháng 08/2023	Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM	20/08/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

						đến 08/2024		
2	Nguyễn Đông Sơn		X	X		Tháng 03/2024 đến 03/2025	Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM	03/03/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Viết tiếng Nga 1 (trình độ trung cấp B1)	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, năm 2024	2	CB	1-150	07/GXN- XHNV- TTTT.TV&BT
2	Ân dụ ý niệm: Lý thuyết và ứng dụng liên ngành	CK	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, năm 2025	1	MM	Toàn bộ	01/GXN-ĐHL

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [2]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

II	Sau khi được công nhận TS				
1	Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến của sinh viên tại một số khoa ngoại ngữ thuộc ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM	CN	Cấp cơ sở	Tháng 02/2022 đến 11/2022	Nghiệm thu ngày 04/11/2022 Kết quả: Tốt
2	Phân tích lỗi dịch máy các văn bản pháp lý trên ngữ liệu pháp luật quốc tế về tín chỉ carbon	CN	T2022-40 Cấp cơ sở	Tháng 03/2025 đến 06/2025	Nghiệm thu ngày 24/06/2025 Kết quả: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Source domain 'sport' and target domain 'politics' in American news media discourse	01	Có	Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh			17(4), 555-561	2020
2	Miền nguồn chiến tranh trong diễn ngôn kinh doanh trên báo chí Anh - Mỹ	01	Có	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM			4(2), 401-407	2020
3	The importance of foreign languages and soft skills in graduates' employability and competence - a case study.	02	Có	HUFLIT International Conference 2020: Ensuring a High-Quality Human Resource in the Modern Age. ISBN:			Tr. 385-392	2020
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
4	Phân tích lỗi dịch máy các văn bản pháp lý trên ngữ liệu pháp luật quốc tế về tín chỉ carbon	01	Có	Ngôn ngữ & Đời sống			5(367), 164-178	2025

5	Ảnh dụ ý niệm về môi trường tự nhiên trong diễn ngôn truyền thông Hàn Quốc về đại dịch COVID-19	02	Không	Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh			22(4)	2025
6	A systematic review on L2 online assessment amidst COVID-19	01	Có	Journal of Language Teaching and Research	Scopus, Q2		16(2), 694-702	2025
7	Chiến lược lịch sử đương tính trong phim truyền hình Nhật Bản: Tiếp cận đa chiều từ góc độ giao thoa văn hóa	02	Có	Ngôn ngữ & Đời sống			2(364), 124-131	2025
8	Analyzing war metaphors in the context of the COVID-19: A critical metaphor analysis	01	Có	Journal of Language Teaching and Research	Scopus, Q2	02	15(6), 1959-1966	2024
9	Navigating blended teaching post-COVID: Insights from language teachers.	01	Có	Theory and Practice in Language Studies	Scopus, Q2		14(8), 2336-2345	2024
10	Language teachers' adaptability to digital transformation: Online assessment practices in Vietnam higher education	01	Có	Theory and Practice in Language Studies	Scopus, Q2	02	14(7), 2263-2270	2024
11	Межкультурная коммуникативная компетенция студентов факультета русской филологии университета социальных наук и гуманитарных наук при Вьетнамском национальном университете Хошимина	02	Không	Язык, культура и профессиональная коммуникация в современном обществе: Материалы XIII Международной научной конференции, ISBN: 978-5-00078-881-3			Tr. 61-66	2024
12	Student-produced videos: Why not?	03	Có	Proceedings of the 19th International Conference of the Asia Association of Computer-Assisted Language Learning (AsiaCALL 2022). Atlantis Press. ISBN: 978-2-38476-042-8		01	Tr. 93-102	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

13	Vai trò của câu lạc bộ – đội, nhóm trong việc phát triển năng lực và kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong sinh viên	04	Không	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM			7(3), 2106-2117	2023
14	Khuôn viên Đại học Xanh – Kinh nghiệm từ các nước đang phát triển	03	Không	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM		01	6(2), 1623-1634	2022
15	Kiểm tra đánh giá trực tuyến ở bậc đại học	01	Có	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM			6(2), 1600-1612	2022
16	Онлайн-тестирование в экстремальных условиях – восприятие вьетнамских студентов, изучающих русский язык	03	Có	Актуальные проблемы аккультурации в контексте преподавания РКИ. ISBN: 978-604-80-6114-2			Tập 26, tr. 399-407	2022
17	Thi cử trực tuyến từ góc nhìn sinh viên đại học	03	Có	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam. ISBN: 978-604-479-011-4			Tập 1, tr. 556-561	2022
18	Năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên quốc tế ngành Việt Nam học - một nghiên cứu trường hợp	02	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần 6-2022: Việt Nam trong thế giới đương đại: Biến đổi và thích ứng. ISBN: 978-604-479-011-4			274-284	2022
19	An empirical study on students' perception and satisfaction towards online assessment and testing in tertiary education	04	Có	Advances in Social Science, Education and Humanities Research. Atlantis Press. ISSN: 2352-5398		06	Tập 621, tr. 207-216	2021

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà U.V là tác giả chính sau TS: 04 bài.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM , ngày 30 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thanh Trúc